

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/TCDS-ST.

Ngày 09 - 11 - 2022.

“V/v tranh chấp chia di sản
thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là thư ký tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-TCDS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DSST ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1948.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1980.

2/ Chị Lương Thị H, sinh năm 1985.

Đại diện theo ủy quyền của chị Lương Thị H là anh Nguyễn Quang H tham gia tố tụng.

Các đương sự cùng có địa chỉ: Thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt bà B, ông Q vắng mặt không có lý do, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các đương sự thống nhất trình bày:

Cụ bà Lưu Thị L (mất năm 2015) và cụ ông Nguyễn Văn B (mất năm 1953) là

vợ chồng, hai cụ sinh được 03 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn N (ông N mất năm 1972 khi mất chưa có vợ con) và bà Nguyễn Thị B. Cụ B mất không có di sản gì để lại. Cụ L mất để lại khối di sản là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích là 613m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE098478, trên đất có 01 căn nhà mái bằng, bếp, sân lát vỉa xi măng và một số loại cây ăn quả. Di sản cụ L để lại còn có 01 thửa đất nông nghiệp để trồng lúa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 8, thửa đất số 60/6, diện tích 453m² ở xứ đồng Trung Đồng tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Khi cụ L còn sống cụ đã cho vợ chồng anh Nguyễn Quang H (là con ông Q và là cháu nội của cụ L) 150m² đất tại thửa đất số 24 tờ bản đồ số 12 để làm nhà sinh sống. Hiện tại gia đình anh H vẫn đang ăn ở và sinh sống trên thửa đất này. Đối với thửa đất nông nghiệp để trồng lúa thì bà B đang là người quản lý và sử dụng.

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Ngày 30/8/2011 cụ L lập di chúc về việc phân chia tài sản cho các con cháu. Khi lập di chúc cụ L hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, người viết di chúc là anh Nguyễn Quang H, bản di chúc được viết đúng theo ý nguyện của cụ L có xác nhận của trưởng thôn và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã TH vào ngày 13/10/2011. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Q không thừa nhận bản di chúc, nên bà đề nghị không chia di sản của cụ L để lại theo di chúc mà đề nghị chia theo quy định pháp luật, còn phần đất mà cụ L đã cho anh H được ghi trong biên bản họp gia đình ngày 24/4/2011 thì bà cũng nhất trí cho anh H mà không đề nghị chia, phần đất nông nghiệp của cụ L bà đề nghị được tiếp tục quản lý và sử dụng.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích là 613m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE098478 là đất có nguồn gốc từ đất của các cụ tổ tiên cho cụ B và cụ L. Khoảng năm 1970, ông N đã đổi đất mà gia đình cụ L đang ở trả cho hợp tác xã và chuyển đổi sang ở thửa đất khác cho rộng rãi. Sau đó cụ L cùng các con đã ở trên thửa đất này cũng chính là thửa đất hiện đang có tranh chấp. Đối với bản di chúc lập ngày 30/8/2011 có dấu vân tay cho là của cụ L, ông Q cho rằng nội dung di chúc không phải là ý chí của cụ L. Tại thời điểm lập di chúc cụ L 84 tuổi nhưng tinh thần minh mẫn, vẫn có đủ sức khỏe để viết và ký được chứ không cần phải điểm chỉ. Do vậy ông Q không thừa nhận có bản di chúc. Ông Q công nhận ông chỉ tham gia họp và ghi nhận quan điểm tại biên bản họp gia đình ngày 24/04/2011. Nội dung biên bản đúng là ý chí của cụ L về việc cho anh Nguyễn Quang H 150m² đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 tại thôn T.A, xã TH, thành phố Phủ Lý.

Nay bà B đề nghị chia di sản thừa kế của cụ L để lại gồm 613m² đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL và 01 thửa đất nông nghiệp để trồng lúa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 8, thửa đất số 60/6, diện tích 453m² ở xứ đồng Trung Đồng, quan điểm của ông Q như sau:

Đối với phần đất ở của cụ L để lại có 150m² đất đã cho anh H là ý chí của cụ L và anh H đã xây dựng nhà ở trên đất, ông Q cũng nhất trí cho phần đất trên cho anh H để anh H có quyền tiếp tục ăn ở sinh sống trên phần đất theo đúng nguyện vọng của cụ L. Còn lại 463m² đất ông Q không nhất trí chia mà để lại cho các con cháu đi về hương khói tổ tiên và ông Q sẽ là người quản lý đất.

Đối với phần đất ruộng Hợp tác xã chia cho cụ L hiện bà B đang quản lý sử dụng canh tác và thu hoạch hoa màu, ông Q nhất trí để bà B tiếp tục quản lý và sử dụng mà không đề nghị chia.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị H và anh Nguyễn Quang H trình bày: Anh là cháu nội của cụ Lưu Thị L và là con trai của ông Nguyễn Văn Q. Hiện anh cùng vợ con đang ở trên thửa đất là di sản của cụ L để lại tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL. Vào khoảng đầu năm 2011 được sự đồng ý của cụ L, vợ chồng anh đã ra mảnh đất trên ở nhờ tại gian bếp của cụ. Do việc ăn ở quá chật chội và bất tiện nên cụ L đã quyết định cho vợ chồng anh H đất để làm nhà. Ngày 24/4/2011 cụ L đã cho họp gia đình gồm có cụ L, ông Q, bà B và thống nhất cho vợ chồng anh 150m² đất được chia theo chiều ngang thổ đất, phía Nam giáp với phần đất của cụ L, phía Bắc giáp phần đất nhà ông Tư và ngõ đi hiện tại. Sau khi được cho đất đến cuối năm 2011 vợ chồng anh H đã xây dựng nhà 1,5 tầng và các công trình khác kiên cố trên phần đất được cho và trồng một số cây như 02 cây cau, 02 cây hồng xiêm, hiện tại gia đình anh đang ăn ở sinh sống trên thửa đất này.

Nay bà Nguyễn Thị B đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ L để lại anh H có quan điểm: Đối với phần đất được cụ L cho anh H đã làm nhà và đang ở trên một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL thì anh đề nghị vẫn được cho để tiếp tục quản lý và sử dụng vì đã được sự đồng ý của cụ L, ông Q và bà B. Trường hợp phần đất còn lại của cụ L pH phân chia cho những người khác thì anh tự nguyện để lại một phần đất trong tổng số 150m² đất mà cụ L cho để làm ngõ đi chung cho các phần đất phía trong còn lại. Trường hợp một phần công trình kiến trúc, tài sản do anh xây dựng, trồng trọt nằm trên phần đất chia cho người khác thì anh sẽ tự nguyện dỡ bỏ để trả lại đất hoặc tự nguyện giao cho người đó quản lý sử dụng mà không có yêu cầu bồi thường hoặc phải thanh toán về giá trị tài sản cho anh. Về yêu cầu khởi kiện khác của bà B, anh H không có quan điểm gì vì anh không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến di sản của cụ L để lại.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương xác định như sau: Căn cứ phương án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lưu Thị L vào năm 2005 thì cụ Lưu Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 613m² bao gồm đất ở 480m²; đất vườn lâu năm 133m². Nguồn gốc thửa đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Cụ B và cụ L có 03 người con là ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị B (ông N đã mất và không có vợ con). Ngoài ra cụ B và cụ L không có con nuôi, con riêng.

* Ngày 06/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản xác định như sau:

- *Về đất*: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 613m² đất (trong đó có 480m² đất thổ cư và 133m² đất lâu năm khác) có giá 575.432.000đ (Năm trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- *Về tài sản trên đất*: Nhà mái bằng 2 tầng (nhà anh H) có tổng trị giá: 237.717.000đ; Bán mái phiproximăng không tường: 18.627.000đ; Bán mái phiproximăng đòn tay luồng xây gạch xi 110 lát gạch hoa liên doanh (nhà kho): 6.153.000đ; Bể nước ăn: 9.613.000đ; Tường rào xây gạch xi 110 (trước cửa nhà anh H): 1.057.000đ; Nhà mái bằng 01 tầng xây gạch đỏ, móng xây gạch nền lát gạch hoa liên doanh, cửa gỗ, xây dựng khoảng năm 2002 (nhà cụ L): 58.405.000đ; Nhà cấp 4 mái ngói đỏ đòn tay luồng nền láng xi măng: 6.383.000đ; Sân láng vữa xi măng: 3.423.000đ; Tường rào xây gạch xi: 6.585.000đ. Tổng cộng là 347.963.000đ (trong đó tài sản trên đất do anh H xây dựng là 273.167.000đ, tài sản trên đất do cụ L để lại là 74.796.000đ).

- *Cây cối hoa màu*: 02 cây cau: 360.000đ; 01 cây bưởi: 360.000đ; 02 cây hồng xiêm: 360.000đ; 01 cây mít: 420.000đ; 10 bụi chuối: 1.200.000đ. Tổng cộng là 2.700.000đ (trong đó cây do anh H trồng là 720.000đ, cây cối do cụ L để lại là 1.980.000đ).

- Đối với diện tích 453m² đất nông nghiệp Hội đồng định giá không định giá vì là đất nông nghiệp, nhà nước giao đất cho cá nhân để sử dụng, sản xuất.

*** *Tại phiên tòa*:**

Bà Nguyễn Thị B giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Bà B đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Lưu Thị L để lại là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 và tài sản trên đất tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL theo pháp luật. Đề nghị Tòa án tiếp tục giao thửa đất nông nghiệp thửa số 60/6, tờ bản đồ số 8, diện tích 453m² ở xứ đồng Trung Đồng cho bà B sử dụng canh tác.

Anh Nguyễn Quang H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn Q chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 92; 144; 147; 157; 165; 184; 185; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 3; 166; 167; 203 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng các Điều 111; 155; 623; 624; 625; 630; 650; 651; 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật phí và lệ phí Tòa án số 97/2015 của Quốc hội thông qua ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

- Chia đôi bằng hiện vật khối di sản còn lại của thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 463m² tại xã TH, thành phố PL (sau khi đã trừ 150m² đất của anh H). Bà B và ông Q mỗi người nhận một nửa giá trị khối di sản thừa kế. Giao cho ông Q phần diện tích đất có ngôi nhà của cụ L cùng toàn bộ cây cối, tài sản nằm trên phần đất đó. Phần diện tích đất cùng toàn bộ tài sản nằm trên diện tích đất, cây cối còn lại giao cho bà B quản lý, sử dụng. Người nhận phần di sản có giá trị cao hơn có trách nhiệm trả chênh lệch cho người nhận phần di sản có giá trị thấp hơn.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc trong 150m² đất của cụ L cho anh H sẽ cắt lại một phần diện tích để làm ngõ đi chung vào phần đất còn lại phía trong.

- Đối với phần công trình, cây cối do anh H xây dựng, trồng trọt trên phần đất của cụ L, nếu nằm trên phần diện tích được chia cho các đồng thừa kế anh H sẽ tự nguyện dỡ bỏ hoặc không yêu cầu thanh toán giá trị tài sản cho anh.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế: Giao bà Nguyễn Thị B toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 60/6, tờ bản đồ số 8, diện tích 453m² ở Trung Đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự pH nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lưu Thị L để lại là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc giải quyết tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, anh Nguyễn Quang H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn B mất năm 1953, đến khoảng năm 1970 được chuyển đổi sang thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 463m². Cụ Lưu Thị L mất năm 2015, ngày 09/05/2022 bà Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện nộp tại tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ L vẫn còn.

[4] Về thời điểm mở thừa kế: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã xác định cụ Lưu Thị L chết ngày 12/6/2015. Theo quy định tại Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời điểm mở thừa kế của cụ L phát sinh kể từ khi cụ L qua đời.

[5] Xem xét việc phân chia di sản thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án bà B khai ngày 30/8/2011 cụ L lập di chúc về việc phân chia tài sản cho các con cháu. Khi lập di chúc cụ L hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, người ký tên viết hộ di chúc là chị Nguyễn Thị K, bản di chúc được viết đúng theo ý nguyện của cụ L có xác nhận của trưởng thôn và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã TH vào ngày 13/10/2011. Tuy nhiên, chị Lương Thị H (vợ anh H) và anh Nguyễn Quang H xác định di chúc đề ngày 30/8/2011 là do chị H viết, người ký tên viết hộ là chị Nguyễn Thị K (con gái bà B), nội dung di chúc do bà Nguyễn Thị B đọc cho chị H viết, khi đó cụ Lưu Thị L đã già yếu, tai điếc nghe câu được câu không. Mặt khác, ông Nguyễn Văn Q không thừa nhận có bản di chúc do cụ L để lại. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B đề nghị không chia di sản thừa kế do cụ L để lại theo di chúc mà đề nghị chia theo pháp luật. Do vậy, căn cứ vào Điều 649 và Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2015 để phân chia di sản thừa kế của cụ L theo pháp luật.

[6] Về người thừa kế theo pháp luật: Cụ B và cụ L có ba người con gồm: Ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn N (ông N đã chết từ năm 1972 không có vợ con), ngoài ra cụ B và cụ L không có con riêng, con nuôi hoặc người nào khác thuộc diện được hưởng thừa kế nên căn cứ quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ chỉ có 02 người con đẻ của các cụ gồm: ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B. Các đồng thừa kế cùng hàng thừa kế thứ nhất sẽ được hưởng giá trị kỷ phần ngang nhau trong việc phân chia di sản của cụ L để lại.

[7] Về nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản, chi phí liên quan đến thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất xác định khi chết cụ L không để lại nghĩa vụ tài sản và cũng không có ai đề nghị giải quyết về việc trông nom, tôn tạo, giữ gìn tài sản của cụ L để lại. Do đó phần di sản cụ L để lại sẽ không phải đối trừ để thực hiện việc thực hiện nghĩa vụ tài sản và chi phí trông coi quản lý di sản.

[8] Về di sản thừa kế:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai thống nhất của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 613m² (trong đó có 480m² đất thổ cư và 133m² đất vườn có thời hạn sử dụng đến tháng 12 năm 2043) tọa lạc tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam có nguồn gốc từ tài sản của các cụ tổ tiên để lại đã được Ủy ban nhân dân huyện Duy Tiên (nay là thành phố Phủ Lý) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lưu Thị L vào ngày 02/6/2006 có giá trị 575.432.000đ. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L, thì trong gia đình chỉ có một mình cụ L được cấp đất và sử dụng.

Tài sản trên đất của cụ L để lại là căn nhà mái bằng 01 tầng xây gạch đỏ, móng xây gạch nền lát gạch hoa liên doanh, cửa gỗ xây dựng khoảng năm 2002 (nhà cụ L): 58.405.000đ; Nhà cấp 4 mái ngói đỏ đòn tay luồng nền lán xi măng: 6.383.000đ; Sân lán vỉa xi măng: 3.423.000đ; Tường rào xây gạch xi: 6.585.000đ; cây cối hoa màu gồm: 01 cây bưởi: 360.000đ; 01 cây mít: 420.000đ; 10 bụi chuối: 1.200.000đ. Tổng trị giá tài sản trên đất là 76.776.000đ.

Do vậy, toàn bộ các tài sản nêu trên là di sản thừa kế của cụ L để lại, sẽ được xem xét, phân chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, được trừ đi phần diện tích đất mà cụ L, ông Q và bà B thống nhất cho anh Nguyễn Quang H là 150m².

[9] Đối với: “Biên bản họp gia đình” đề ngày 24/04/2011 có chữ ký của cụ L, ông Q, bà B do bà B xuất trình, Hội đồng xét xử xét thấy đây là bản viết tay với nội dung cụ L cho anh H 150m² đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 theo chiều ngang thửa đất. Quá trình giải quyết vụ án bà B, ông Q và anh H thừa nhận có tham gia họp và thống nhất nội dung biên bản họp, tự nguyện ký vào biên bản. Đến nay, ông Q, bà B vẫn thống nhất cho anh H 150m² đất trong khối di sản của cụ L để lại (phần đất anh H đã làm nhà) như nội dung đã thống nhất trong biên bản họp gia đình. Tuy nhiên, di sản còn lại của cụ L là đất và tài sản trên đất chưa chia lại nằm phía trong của phần đất cho anh H, nên bà B có quan điểm trích lại một phần đất trong tổng số 150m² đất cho anh H làm ngõ đi chung, anh H cũng tự nguyện để lại một phần đất trong tổng số 150m² đất cụ L cho làm ngõ đi chung cho phần đất còn lại phía trong. Do đó Hội đồng xét xử sẽ công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tách cho anh H 150m² đất trong khối di sản của cụ L để lại trong đó có một phần đất làm ngõ đi chung.

[10] Về phân chia di sản:

Do các đồng thừa kế đã thống nhất cho anh H 150m² đất, anh H tự nguyện để lại một phần đất trong tổng số 150m² làm ngõ đi chung, do vậy cần tách cho anh Nguyễn Quang H 150m² đất (trong đó có 112m² đất thổ cư = 131.040.000đ, 13m² đất vườn đến tháng 12 năm 2043 = 1.352.000đ, 25m² đất vườn làm ngõ đi chung = 2.600.000đ). Tổng trị giá tài sản chia cho anh H và một phần ngõ đi chung là 134.992.000đ. Trên phần đất làm ngõ đi chung có 02 cây cau do anh H trồng. Như vậy, trị giá tài sản là đất để chia thừa kế còn lại là 440.440.000đ.

Do các đồng thừa kế cùng hàng thừa kế thứ nhất được hưởng ngang nhau về giá trị đối với di sản mà cụ L để lại có tổng giá trị xác định là 440.440.000đ + 76.776.000đ = 517.216.000đ.

Căn cứ điều kiện thực tế của di sản, tình trạng sử dụng hiện tại đối với di sản cũng như trên cơ sở xem xét điều kiện, hoàn cảnh, nhu cầu thực tế về chỗ ở và nguyện vọng của các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất là di sản thừa kế tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số PL12, diện tích là 613m² tọa lạc tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam sau khi tách một phần đất mà các đồng thừa kế thống nhất chia cho anh H, anh H đã xây nhà kiên cố sử dụng làm nơi ăn ở, sinh sống ổn định từ nhiều năm nay. Hiện tại cả gia đình ông Q, bà B đều đã có nơi ăn chốn ở ổn định. Tuy nhiên, việc các đương sự đều mong muốn được hưởng đất đai của cụ L để lại. Qua xem xét, thẩm định thực tế thì việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các đồng thừa kế vẫn đảm bảo giá trị, tính năng sử dụng của các công trình đã xây dựng trên đất. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 111 và Điều 660 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử sẽ phân chia di sản bằng hiện vật cho các đồng thừa kế như vậy sẽ đảm bảo công bằng về mặt quyền lợi cho các đồng thừa kế. Do đặc điểm của thửa đất di sản có nhiều loại khác nhau và sẽ có phần đất được sở hữu căn nhà mái bằng nên sẽ được lợi về mặt giá trị di sản, vì vậy người được hưởng giá trị nhiều hơn sẽ phải có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị kỷ phần được hưởng cho các thừa kế khác còn lại.

[11] Phân chia di sản cụ thể như sau:

- Như đã phân tích ở trên, trong tổng số 613m² đất, đã cắt 150m² đất chia cho anh H và một phần làm ngõ đi chung, còn lại 463m² đất cần chia cho các đồng thừa kế, tuy nhiên cần để lại một phần đất vườn là 25 m² = 2.600.000đ làm ngõ đi chung, trên phần ngõ đi chung có 01 bụi chuối = 120.000đ, song vẫn phải đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản trên đất. Như vậy, trị giá di sản chia cho ông Q, bà B là 517.216.000đ - 2.600.000đ - 120.000đ = 514.496.000đ. Ông Q và bà B mỗi người được hưởng kỷ phần trị giá là 257.248.000đ.

- Phân chia cho ông Nguyễn Văn Q được quyền sử dụng 197m² đất di sản (trong đó: đất thổ cư là 179m² = 209.430.000đ; đất vườn là 18m² = 1.872.000đ). Trên đất có 01 nhà mái bằng trị giá 58.405.000đ; 01 phần nhà cấp bốn có trị giá: 2.000.000đ; 01 phần sân lát vỉa xi măng trị giá: 1.000.000đ; 01 phần tường rào xây gạch xi trị giá 2.325.000đ; 01 bụi chuối = 120.000đ. Tổng trị giá di sản thừa kế mà ông Q được hưởng là 275.152.000đ. Ngoài ra, trên phần đất chia cho ông Q còn có 02 cây

hồng xiêm, 01 phần bể nước, 01 phần bán mái phi Prôximăng là tài sản do anh H trồng trọt, xây dựng.

Ông Q có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị chênh lệch của 01 kỷ phần mà ông được hưởng cho bà B là 17.904.000đ.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng 241m² đất di sản (trong đó: đất thổ cư là 189m² = 221.130.000đ; đất vườn là: 52m² = 5.408.000đ). Trên đất có một phần nhà cấp bốn có trị giá 4.383.000đ; 01 phần sân lát vỉa xi măng trị giá: 2.423.000đ; 01 phần tường rào xây gạch xi trị giá 4.260.000đ; 01 cây bưởi trị giá 360.000đ; 01 cây mít trị giá 420.000đ; 08 bụi chuối trị giá 960.000đ. Tổng trị giá di sản thừa kế mà bà B được hưởng là 239.344.000đ.

Bà B được nhận phần giá trị chênh lệch của 01 kỷ phần mà bà được hưởng từ ông Q là 17.904.000đ.

(Việc phân chia đất có sơ đồ kèm theo).

[12] Ngoài ra cụ L còn được Nhà nước giao canh tác 01 thửa ruộng là thửa đất số 60/6, tờ bản đồ số 8, diện tích 453m² ở xứ đồng Trung Đồng tại xã TH, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Từ khi cụ L còn sống đến nay bà B là người canh tác, sử dụng và nộp thuế. Quá trình giải quyết vụ án bà B xin được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất nông nghiệp trên, ông Q cũng nhất trí để bà B quản lý, sử dụng thửa đất. Vì vậy cần công nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế, tiếp tục giao cho bà Nguyễn Thị B được quản lý, sử dụng, canh tác thửa đất nông nghiệp trên.

Đối với phần công trình, cây cối do anh H xây dựng, trồng trọt trên phần đất của cụ L được chia cho ông Q, anh H có quan điểm sẽ tự nguyện dỡ bỏ hoặc giao cho người được chia phần đất có tài sản của anh trên đó sử dụng mà không có yêu cầu bồi thường hay phải thanh toán giá trị tài sản cho anh. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh H, anh H có trách nhiệm tự dỡ bỏ một phần bể, một phần bán mái phi prôximăng là tài sản của anh H để trả lại phần đất cho ông Q, ông Q được quyền quản lý sử dụng 02 cây hồng xiêm mà không phải thanh toán giá trị tài sản cho anh H.

[13] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Đối với toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.500.000 đồng do bà B đã bỏ ra thanh toán, căn cứ quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì các đồng thừa kế đều cùng phải chịu, do đó ông Q phải thanh toán trả lại cho bà B số tiền chi phí bà B đã bỏ ra là 2.250.000 đồng.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia thừa kế cụ thể là 257.248.000đ x 5% = 12.862.400 đồng (làm tròn là 12.862.000 đồng).

Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 68; 92; 144; 147; 157; 165; 184; 185; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 100; 166; 170 và 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ các Điều 111; 609; 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651; 660; 668 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị B đối với di sản thừa kế của cụ Lưu Thị L.

2. Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lưu Thị L gồm: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B.

3. Công nhận di sản thừa kế của cụ Lưu Thị L để lại bao gồm:

Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 613m² (trong đó có 480m² đất thổ cư và 133m² đất vườn đến tháng 12 năm 2043) tại thôn T.A, xã TH, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam trị giá 575.432.000đ trừ đi phần diện tích mà cụ L, ông Q, bà B đã thống nhất cho anh H là 150m² đất trị giá 134.992.000đ; tài sản trên đất của cụ L để lại là căn nhà mái bằng 01 tầng xây gạch đỏ, móng xây gạch nền lát gạch hoa liên doanh, cửa gỗ xây dựng khoảng năm 2002 trị giá: 58.405.000đ; nhà cấp 4 mái ngói đỏ đòn tay luồng nền lán xi măng: 6.383.000đ; sân lán vỉa xi măng: 3.423.000đ; tường rào xây gạch xi: 6.585.000đ; Cây cối hoa màu gồm: 01 cây bưởi: 360.000đ; 01 cây mít: 420.000đ; 10 bụi chuối: 1.200.000đ và 01 thửa đất nông ngh để trồng lúa tại tờ bản đồ số 8, thửa đất số 60/6, diện tích 453m² ở xứ đồng Trung Đồng tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tổng giá trị di sản là đất và tài sản trên đất cụ Lưu Thị L để lại chưa chia là 517.216.000 đồng (năm trăm mười bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn đồng).

4. Xác định mỗi kỳ phần các thừa kế được hưởng theo pháp luật (sau khi trừ phần ngõ đi chung) có giá trị là 257.248.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

5. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế phân chia cho anh Nguyễn Quang H được quyền sử dụng 150m² đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 ở thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Quang H để lại một phần đất làm ngõ đi chung, phần diện tích đất mà anh Nguyễn Quang H được quyền sử dụng là 125m² (trong đó có 112m² đất thổ cư, 13m² đất vườn đến tháng 12 năm 2043) có trị giá 132.392.000đ. Phần đất chia cho anh H có các cạnh như sau: Phía Đông giáp ngõ đi chung dài 6,16m, phía Tây giáp phần đất nhà ông H dài 8,21m, phía Nam giáp phần đất chia cho ông Q dài 18,03m, phía Bắc giáp phần đất nhà ông Tư dài 17,42m. Trên đất có các công trình do anh H xây dựng như nhà mái bằng hai tầng, bán mái phi rô xi măng, bể.

- Phân chia cho ông Nguyễn Văn Q được quyền sử dụng 197m² đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 ở thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam (trong đó: đất thổ cư là 179m²; đất vườn là 18m²). Phần đất chia cho ông Q có các cạnh như sau: Phía Đông giáp ngõ đi chung dài 8,42m, phía Tây giáp phần đất nhà ông H dài 12,62m, phía Nam giáp phần đất chia cho bà B dài 20,35m, phía Bắc giáp phần đất chia cho anh H dài 18,03m. Trên đất có 01 nhà mái bằng; 01 phần nhà cấp bốn; 01 phần sân lát vỉa xi măng; 01 phần tường rào xây gạch xi; 01 bụi chuối; 02 cây hồng xiêm; 01 phần bể nước; 01 phần bán mái phi Proxi măng. Tổng trị giá di sản thừa kế mà ông Q được hưởng là 275.152.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng 241m² đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 ở thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam (trong đó: đất thổ cư là 189m²; đất vườn là: 52m²). Phần đất chia cho bà B có các cạnh như sau: Phía Đông giáp phần đất nhà ông Bắc dài 7,25m, phía Tây giáp phần đất nhà ông H dài 11,05m, phía Nam giáp phần đất nhà bà Phượng ông Vinh dài 26,57m, phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Q dài 23,35m. Trên đất có một phần nhà cấp bốn; 01 phần sân lát vỉa xi măng; 01 phần tường rào xây gạch xi; 01 cây bưởi; 01 cây mít; 08 bụi chuối. Tổng trị giá di sản thừa kế mà bà B được hưởng là 239.344.000đ (hai trăm ba mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ông Q có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị chênh lệch của 01 kỳ phần mà ông được hưởng cho bà B là 17.904.000đ (mười bảy triệu, chín trăm linh bốn nghìn đồng).

Bà B được nhận phần giá trị chênh lệch của 01 kỳ phần mà bà được hưởng từ ông Q là 17.904.000đ (mười bảy triệu, chín trăm linh bốn nghìn đồng).

- Tách phần ngõ đi chung của phần đất chia cho anh H, ông Q, bà B là 50m² đất vườn thời hạn đến tháng 12 năm 2043 tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 ở thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam có các cạnh như sau: Phía Đông giáp phần đất nhà ông Đào dài 6,62m và giáp phần đất nhà ông Bắc dài 6,87m, phía Tây giáp

phần đất chia cho anh H và ông Q dài 15,02m, phía Nam giáp phần đất chia cho bà B dài 03m, phía Bắc giáp ngõ đi dài 4,11m.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo).

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Quang H tự dỡ bỏ 01 phần bể, 01 phần bán mái phi pro xi măng do anh xây dựng mà không có yêu cầu bồi thường. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H giao cho ông Q 02 cây hồng xiêm trên phần đất chia cho ông Q mà không yêu cầu thanh toán giá trị tài sản.

6. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế: Giao cho bà Nguyễn Thị B được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất nông nghiệp thửa số 60/6, tờ bản đồ số 8, diện tích 453m² ở xứ đồng Trung Đồng tại thôn T.A, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

7. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

8. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Q phải thanh toán trả lại cho bà B số tiền chi phí bà B đã bỏ ra là 2.250.000 đồng.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải nộp 12.862.000đ (mười hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

10. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên